



dé zhǔ
得主

noun · winner, recipient

Example Sentences

Tā shì jīn nián nuò bèi ěr jiǎng de dé zhǔ
他是今年诺贝尔奖的得主。

He is this year's Nobel Prize winner.

Bǐ sài jié shù hòu dé zhǔ shàng tái lǐng jiǎng
比赛结束后，得主上台领奖。

After the competition ended, the winner went on stage to receive the award.

Trace each character, then write the word on your own.

得	得	得	得	得	得	得	得	得	得	得
得	得	得								
主	主	主	主	主	主	主	主			